

Số: 05 /2025/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính
phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2011/TT-BNV ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật vệ sinh kho bảo quản tài
liệu lưu trữ và vệ sinh tài liệu lưu trữ nền giấy;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập danh mục tài liệu hạn
chế sử dụng của một phòng lưu trữ và phục vụ độc giả tại phòng đọc;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BNV ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý tài liệu hết giá trị;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài
liệu lưu trữ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BNV ngày 28 tháng 10 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật bồi nền tài liệu
giấy bằng phương pháp thủ công;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài
liệu nền giấy;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của*

đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ tỉnh Hà Nam, gồm: Phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu lưu trữ (tài liệu giấy); Xử lý tài liệu hết giá trị; Bảo quản tài liệu và kho lưu trữ lịch sử; Bồi nền, tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ; Tạo lập cơ sở dữ liệu và số hóa tài liệu lưu trữ; Lập danh mục tài liệu hạn chế sử dụng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế; Lưu trữ lịch sử và lưu trữ cơ quan có sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ công thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b) Các cơ quan, tổ chức khác thuộc tỉnh Hà Nam không sử dụng ngân sách nhà nước khuyến khích áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực lưu trữ quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ tỉnh Hà Nam

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu lưu trữ (tài liệu giấy) áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 4 Thông tư số 16/2023/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu nền giấy;

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý tài liệu hết giá trị áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 4 Thông tư số 10/2012/TT-BNV ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý tài liệu hết giá trị;

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản tài liệu và kho lưu trữ lịch sử áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 15/2011/TT-BNV ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật vệ sinh kho bảo quản tài liệu lưu trữ và vệ sinh tài liệu lưu trữ nền giấy;

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật bồi nền, tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 4 Thông tư số 12/2014/TT-BNV ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật bồi nền tài liệu giấy bằng phương pháp thủ công;

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu và số hóa tài liệu lưu trữ áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập danh mục tài liệu hạn chế sử dụng áp dụng 100% định mức quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2012/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập danh mục tài liệu hạn chế sử dụng của một phòng lưu trữ và phục vụ độc giả tại phòng đọc (đối với tài liệu công trình xây dựng cơ bản, việc phân loại dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019);

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này là cơ sở để xác định đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu làm căn cứ và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản mới thay thế đó.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế, Cục VTLTNN);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, HCQT;
- Lưu: VT, TCDNC(T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chúc
Nguyễn Anh Chúc